

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU- TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hòa;
2. Ông Trần Hữu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ba Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Võ Công Đức, Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 và ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2022/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn L, sinh năm 1978, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1951 (đã chết) và bà Lê Thị T1, sinh năm 1954; có vợ là Lê Thị Minh T2, sinh năm 1980 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; áp dụng biện pháp Tạm giam từ ngày 08-10-2021 đến nay; (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Quốc T3; Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên S; thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị hại: Chị Lý Thu H, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Lý Thanh H1, sinh năm 1972, bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1975; là cha mẹ của bị hại; địa chỉ nơi cư trú: Ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Trần Tuấn N, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp T, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Văn L sinh sống gần nhà và có mối quan hệ họ hàng với gia đình Ông Lý Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ngọc M; bị cáo thường đến nhà chơi, biết Lý Thu H là con gái ông H1, bà M là người bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ, bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, thường xuyên ở nhà một mình nên từ khoảng tháng 10 năm 2018 đến ngày 22-12-2018, bị cáo L đã 03 lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với chị H, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào tháng 10 năm 2018 (không rõ ngày cụ thể); khoảng 17 giờ, Phạm Văn L mặc quần cụt, không mặc áo, một mình đi bộ từ nhà sang nhà ông H1, bà M; thấy H ở nhà một mình đang ngồi trên võng xem tivi nên L kêu H cho L quan hệ tình dục, H không trả lời và cũng không có phản kháng nên L dùng tay kéo H đứng dậy tựa lưng vào vách tường, L đứng đối diện, người hơi khom và chùng gối xuống để thực hiện hành vi quan hệ tình dục với H khoảng 15 phút thì xuất tinh, sau đó L tự tay kéo quần lên và dặn chị H “*con đừng có nói cho ai biết*” rồi đi về nhà.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 11 năm 2018 (không rõ ngày cụ thể); khoảng 14 giờ, L mặc quần cụt, không mặc áo, một mình đi bộ từ nhà sang ông H1, bà M, thấy H đang ở nhà một mình ngồi xem tivi trên ghế bố nên L tiến lại gần chỗ H kêu cho quan hệ tình dục, L dùng tay kéo H đứng dậy tựa lưng vào vách tường (vị trí quan hệ tình dục lần 1), dùng tay sờ vào ngực rồi kéo quần của H xuống tới gối, L đứng đối diện, người hơi khom và chùng gối xuống rồi thực hiện hành vi quan hệ tình dục với H, khoảng 15 phút thì xuất tinh, L tự kéo quần lên rồi đưa cho H 20.000 đồng và nói “*dượng cho con tiền ăn bánh*”, sau đó đi về nhà.

Lần thứ ba: Vào khoảng 18 giờ ngày 22 tháng 12 năm 2018, Phạm Văn L tiếp tục sang nhà ông H1, bà M với mục đích là tìm H để quan hệ tình dục; lúc này H đang phơi quần áo phía sau nhà, L đi vào nhà rồi vòng xuống nhà dưới kêu H vào nhà, H không có phản ứng gì và làm theo yêu cầu của L; khi H vào nhà thì L kéo H tựa lưng vào vách tường (vị trí quan hệ tình dục lần 1, lần 2) rồi dùng tay sờ vùng ngực, kéo quần H xuống tới gối, L đứng đối diện, người hơi khom và chùng gối rồi thực hiện hành vi quan hệ tình dục với H khoảng 15 phút thì xuất tinh, sau đó L tự tay kéo quần lên và đi về nhà.

Sau đó, chị H kể lại sự việc bị Phạm Văn L quan hệ tình dục cho cha mẹ ruột mình biết nên ông H1 đã làm đơn tố cáo hành vi của bị cáo L đến Công an Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Tại bản giám định Pháp y tình dục số 71/2018/TD ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tây Ninh kết luận: Lý Thu H màng trinh rách cũ vị trí 7 giờ, 09 giờ; không phát hiện có thai.

Tại bản giám định AND số 728/C09B ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Phân viện Kỹ thuật hình sự tại Thành Phố Hồ Chí Minh kết luận: Không phát hiện thấy tinh trùng trên người trên mẫu dịch âm đạo ghi thu của Lý Thu H.

Kết luận giám định Pháp y tâm thần số 121/KL-VPYTW ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận:

+ Về y học: trước, trong, sau khi bị hại và hiện nay: Chị Lý Thu H bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70-ICD.10).

+ Về năng lực nhận thức và hành vi: Chị Lý Thu H bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Dương Minh Châu đã thu giữ của bị cáo: 01 quần đùi màu tím, vải thun, có 02 túi hai bên ống quần.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo Phạm Văn L bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tổn thất về tinh thần với số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật, không có ý kiến gì thêm.

Cáo trạng số 04/CT-VKS-DMC ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu đã truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội “Hiếp dâm” theo quy định tại khoản 2 Điều 141 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu giữ nguyên cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn L với mức án tù 07 (bảy) năm đến 09 (chín) năm tù.

+ Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa, không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

Xin chia sẻ với gia đình bị hại, người bào chữa muốn làm sáng tỏ sự thật khách quan của sự việc. Qua nghe bản Cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát thấy rằng chưa đủ cơ sở để kết tội bị cáo vì:

- Cơ quan điều tra thụ lý tin tố giác tội phạm vào ngày 25-01-2019, Quyết định phân công Điều tra viên giải quyết điều tra thông báo cho Viện kiểm sát Huyện Dương Minh Châu, nhưng đơn tố cáo của Ông Lý Thanh H1 là ngày 24-12-2018 tức là hơn 01 tháng; sau khi nhận đơn tố cáo thì Cơ quan Điều tra tiến hành lấy lời khai, xác minh gia đình bị hại, ghi lời khai của đương sự, khám nghiệm hiện trường, lấy mẫu xét nghiệm AND; việc tiến hành hoạt động điều tra xác minh này không đúng quy định tại Điều 146, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Thông tư liên tịch số 01/2007 về việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện hoạt động tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự. Do đó, các hoạt động điều tra này không đủ căn cứ, cơ sở pháp lý để giải quyết vụ án.

- Biên bản xác định hiện trường tại nhà của bị hại ghi thời gian bắt đầu lúc 15 giờ 30 phút ngày 26-12-2018 kết thúc lúc 16 giờ 10 phút cùng ngày; trong khi Biên bản ghi lời khai của Phạm Văn L tại Công an Huyện Dương Minh Châu ghi thời gian bắt đầu lúc 15 giờ ngày 26-12-2018, kết thúc lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày. Như vậy, trong cùng 01 khung giờ, thì bị cáo L không thể ở 02 nơi khác nhau; nên hoạt động điều tra này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Cơ quan điều tra căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự để ban hành Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án không có tài liệu hay văn bản nào thể hiện việc cá nhân hay cơ quan nào cung cấp tài liệu chứng cứ gì để giải quyết vụ án; như vậy quyết định tạm đình chỉ là chưa đủ căn cứ nên Quyết định phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm cũng không có căn cứ.

- Cơ quan điều tra phục hồi tin báo, tiến hành khởi tố, nhưng trong hồ sơ từ khi thụ lý tin báo đến khi tạm đình chỉ và phục hồi tin báo trong hồ sơ không có thêm tài liệu; nên việc khởi tố là không đảm bảo, việc đánh giá chứng cứ chưa được toàn diện chưa khả quan.

- Viện kiểm sát cho rằng lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp các tình tiết khác khi khám nghiệm hiện trường; việc này không đảm bảo vì lý do:

+ Xét lời khai của bị hại thì người bị hại theo giám định bị tâm thần nhẹ chị M (mẹ bị hại) có trình bày chị H trước sau hay quên không nhớ được việc gì. Nhưng tại biên bản ghi lời khai của chị H ngày 04-11-2021 vào lúc (bút lục số 161, 162) chị H trình bày rất rõ lại toàn bộ nội dung vụ án, trong khi trước đây chị H trình bày không nhớ hoặc là trình bày mâu thuẫn với lời trình bày của bị cáo L. Tại biên bản này chị H trình bày hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo L về mô tả các tình tiết nội dung xảy ra vụ án hay là nơi xảy ra hành vi giao cấu, trước đây chị H trình bày là nơi xảy ra là 02 lần ở nhà dưới, 01 lần ở nhà trên. Một người chậm phát triển và tâm thần thời gian xảy ra rất lâu được xác

định là năm 2018, thì lời khai tháng 11/2021 chị H lại trình bày rất rõ như vậy thì lời khai này không đủ căn cứ để làm cơ sở xem xét đánh giá trong vụ án này.

+ Chị M không biết chữ mà giám hộ cho chị H là không khách quan, không có cơ sở để xác định lời khai của bị hại là có thật. Chị M trình bày ngày 03-10-2018 âm lịch (tức là ngày 09-11-2018 dương lịch) từ ngày này chị H ở cùng chị M ở Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 04-12-2018 mới về lại Tây Ninh; trong khi đó xác định thời gian xảy ra vụ án là vào các tháng 10, tháng 11 thì không có cơ sở để xác định chị H bị bị cáo L thực hiện hành vi giao cấu. Mặt khác, nếu có sự việc xảy ra tháng 10, tháng 11 tại sao trong thời gian ở với chị M chị H không nói việc này phải đến ngày 24-12-2018 mới gọi điện thoại nói với chị M; là không hợp lý.

+ Về lời khai của bị cáo: Bị cáo là người không biết chữ; khi làm việc bị cáo có lúc thừa nhận có quan hệ tình dục với chị H, có lúc không thừa nhận; bút lục số 29-30 bị cáo trình bày bị cáo cởi quần chị H xuống, lần 02 cũng cởi quần chị H nhưng tại biên bản hỏi cung ngày 26-12-2021 bị cáo lại khai chị H tự cởi quần; như vậy là lời trình bày của bị cáo có mâu thuẫn.

+ Về lời khai của người làm chứng (Anh Trần Tuấn N) cho rằng anh N là người viết đơn tường trình do bị cáo tâm sự cho anh N nghe và nhờ anh N viết lại. Điều này là chưa có cơ sở để xem xét bởi: Bị cáo L đang bị tạm giam phục vụ điều tra, còn anh N là phạm nhân thì phải ở riêng nhưng lí do vì sao lại giam chung, điều này là không đúng quy định. Ngoài ra, khi anh N viết bản tự khai, ăn năn hối cải là viết khi đó có điều tra viên. Việc anh N đi ra khỏi buồng giam là không đúng quy định và không có lệnh trích xuất.

+ Đối với việc Kiểm sát viên công bố đoạn video có lời trình bày của bị cáo L là không có giá trị pháp lý bởi việc ghi âm, ghi hình không đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự, vi phạm quy định tại Điều 5 của Thông tư liên tịch số 03/2018 nên không có giá trị đảm bảo tính khách quan, không đúng sự thật.

- Vật chứng là chiếc quần đùi nhưng bị cáo lại không thừa nhận của bị cáo và cũng không biết rõ về nguồn thu; không đảm bảo đúng quy định của pháp luật, là không có giá trị.

- Đơn đăng ký bào chữa ngày 11-1 nhưng đơn từ chối luật sư lại ghi ngày 10

Từ những phân tích trên là chưa đủ chứng cứ để xác định bị cáo phạm tội, căn cứ Điều 87 của Bộ luật Tố tụng hình sự “Chứng cứ là những gì có thật nhưng không được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án hình sự”

Điều 98 của Bộ luật Tố tụng hình sự “Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với những chứng cứ khác của vụ án”.

Viện kiểm sát cho rằng lời khai của bị cáo phù hợp với tài liệu chứng cứ khác nhưng lại không nêu là chứng cứ gì và như đã phân tích việc thu thập tài liệu của cơ quan điều tra là không theo trình tự của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 13 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên bị cáo không phạm tội.

Sau khi Hội đồng xét xử quyết định trở lại việc xét hỏi và chuyển sang phân tranh luận:

Người bào chữa trình bày: Quá trình xét xử tại phiên tòa bị cáo đã nhận tội tuy nhiên như đã phân tích hoạt động điều tra vi phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Kiểm sát viên đối đáp:

Việc ghi âm ghi hình lấy lời khai của bị cáo để phục vụ điều tra đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về vấn đề thụ lý tin báo thì chức năng của Luật sư tại phiên tòa hôm nay là bào chữa cho bị cáo theo quy định của pháp luật, tôn trọng sự thật khách quan. Quyền kiểm sát của Viện kiểm sát vấn đề này có vi phạm thì Viện kiểm sát đã kiến nghị trong quá trình xử lý tin báo, tuy nhiên không nó không làm thay đổi nội dung vụ án. Hoạt động điều tra trong vụ án được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, những hoạt động của Cơ quan điều tra đều được kiểm sát trong quá trình điều tra.

Viện kiểm sát không truy tố chỉ dựa trên lời khai của bị hại, ngoài ra còn có lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với những tài liệu chứng cứ khác.

Nguyên nhân chị H không nói với mẹ của mình là chị M về hành vi của bị cáo thì đó là quyền của chị H vì đến thời điểm tâm lý bị hại không chịu nổi nữa thì bị hại sẽ khai báo, không bắt buộc là bị hại cần phải khai báo liên.

Về vấn đề khi thực hiện hành vi quan hệ tình dục, Luật sư cho rằng lúc thì bị cáo cởi quần, lúc thì bị hại cởi quần, về vấn đề này có thể sai sót nhưng không làm thay đổi sự thật khách quan của vụ án. Thời điểm lấy lời khai của bị cáo thì bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ về lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và có vợ bị cáo. Ở lần thứ 02 quan hệ bị cáo có khai cho bị hại 20.000 đồng hoàn toàn phù hợp giữa bị cáo và bị hại.

Về việc tạm giam phạm nhân và bị can giam chung với nhau thì Viện kiểm sát đã kiểm sát và kiến nghị, kháng nghị nhưng vấn đề khách quan không đủ phòng giam thì việc giam chung nhưng không làm thay đổi vấn đề khách quan sự việc.

Việc phạm nhân Nhân ở nhà tạm giữ, phạm nhân là người chấp hành án, khi bị cáo L khai báo về một vấn đề nào thì nó cũng phải theo một trình tự nội quy của Nhà tạm giữ, phạm nhân N phải khai báo với Nhà tạm giữ biết, làm sao bị cáo N có giấy và bút viết thì bị cáo N phải báo với Nhà tạm giữ để Điều tra viên biết để xuống ghi nhận. Anh N là người tiếp nhận thông tin đầu tiên nên

việc để anh N ghi lại mang tính chất khách quan không như lời trình bày của luật sư.

Bị cáo có lúc thừa nhận hành vi, có lúc không thừa nhận hành vi do bị cáo sợ ở tù chịu trách nhiệm hình sự, nhưng ở giai đoạn đầu của quá trình điều tra, bị cáo tại ngoại không bị ai ép buộc không phải chấp hành biện pháp gì nhưng bị cáo đã khai rất rõ ràng và được ghi âm ghi hình lại. Lời khai của bị cáo phù hợp với hiện trường vụ án và không bị ai ép buộc.

Vật chứng là do bị cáo giao nộp, bị cáo không thừa nhận thì không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án cho dù bị cáo không đồng ý.

Về vấn đề đơn từ chối bào chữa, do lỗi đánh máy. Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã mời Luật sư 02 lần đến để xác nhận bị can từ chối Luật sư nhưng Luật sư không đến.

Bị can đang tại ngoại đến cơ quan điều tra lấy lời khai bị can khai nhận hành vi quan hệ tình dục với chị H, nên đưa bị can đến xác định hiện trường thì việc đó là bình thường không có làm ảnh hưởng đến nội dung khách quan của vụ án. Nếu có sự ép buộc thì bị can có quyền L lên vì khi đó chưa bị áp dụng biện pháp tạm giam, tạm giữ; ngoài ra, còn có vợ bị cáo chứng kiến, thì vấn đề về thời gian này là do sai sót về việc ghi chép.

- Không có căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết lỗi của mình khi quan hệ tình dục với Chị Lý Thu H, bị cáo (khóc) xin lỗi gia đình của bị hại; bị cáo cảm ơn Viện kiểm sát, Tòa án và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để quay về đoàn tụ với gia đình, lo cho 02 người con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình xét xử: Bị cáo trình bày không quan hệ tình dục với bị hại, người bào chữa cho bị cáo tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về những vi phạm trong hoạt động điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Dương Minh Châu và đề nghị Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 13 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên bị cáo không phạm tội, trong lời nói sau cùng bị cáo trình bày “*Bị cáo biết lỗi của mình xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để quay về đoàn tụ với gia đình*”; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 324 của Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định trở lại việc xét hỏi và thực hiện việc điều khiển phiên tòa đúng theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tiếp tục xét hỏi: Bị cáo tự nguyện khai nhận có quan hệ tình dục với Chị Lý Thu H 03 lần tại nhà của chị H vào thời điểm, thời gian, không gian như nội dung cáo trạng mô tả; 03 lần quan hệ tình dục tại vị trí bức tường chưa tô chị H dựa lưng vào vách tường, bị cáo đứng đối diện tay cầm dương vật cho đụng vào âm đạo và đưa dương vật qua lại âm đạo của chị H, sau đó xuất tinh; tại

phiên tòa bị cáo được xem bản ảnh hiện trường, bản ảnh xác định hiện trường, bị cáo thừa nhận bản ảnh có hình ảnh của bị cáo chỉ tay vào vách tường (Bút lục số 215) là nơi bị cáo đã thực hiện hành vi quan hệ tình dục với H; bị cáo trình bày trong lần quan hệ tình dục với chị H lần thứ 2 xong bị cáo có cho chị H 20.000 đồng ăn bánh và thừa nhận sau khi anh H1 có đơn tố cáo thì bị cáo và gia đình có đến nhà năn nỉ anh H1 xin bỏ qua việc bị cáo đã quan hệ tình dục với chị H. Người bào chữa cho rằng bị cáo đã nhận tội thì việc xem xét là của Hội đồng xét xử, người bào chữa bảo lưu các ý kiến về những vi phạm trong vụ án và đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung.

[3] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể:

[3.1] Phù hợp với các tài liệu: Biên bản lấy lời khai ngày 25-12-2018 (bút lục số 23-24), ngày 26-12-2018 (bút lục số 25-28), ngày 21-01-2019 (bút lục số 29-30) và Biên bản hỏi cung ngày 12-10-2021 (bút lục 178-179), ngày 19-10-2021 (bút lục 182-185), ngày 02-11-2021 (bút lục 186-187). Quá trình lấy lời khai của L có vợ là chị Lê Thị Minh T2 tham gia; hỏi cung bị can có người chứng kiến (Anh Trần Tuấn N) và kiểm sát viên tham gia; các tài liệu này phù hợp với nhau và có nội dung thể hiện việc bị cáo tự nguyện khai nhận 03 lần quan hệ tình dục với Chị Lý Thu H với các thời điểm, thời gian, không gian, địa điểm và vị trí thực hiện hành vi như bị cáo trình bày tại phiên tòa; các tài liệu trên được cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đảm bảo tính khách quan và đúng theo quy định tại các Điều 95, 98, 183, 184 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngoài ra, tình tiết, sự kiện việc bị cáo, vợ và mẹ bị cáo đến nhà anh H1, chị M để xin lỗi việc bị cáo đã quan hệ tình dục với Chị Lý Thu H và năn nỉ rút đơn tố cáo; là phù hợp với lời trình bày của anh Trần Văn Điệp, sinh năm 1970, ngụ Ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (là người hàng xóm cách nhà bị hại 01 căn nhà) tại biên bản lấy lời khai ngày 12-10-2021 (bút lục số 159-160); phù hợp lời khai của anh Lý Thanh H1 (cha của bị hại) ngày 02-4-2019 (bút lục số 15,16); phù hợp với biên bản lấy lời khai ngày 02-4-2019 (bút lục 33, 34), biên bản hỏi cung ngày 12-10-2021 (BL 178-179), ngày 19-10-2021 (BL 182,185), ngày 02-11-2021 (bút lục 186, 187); đây là tình tiết sự kiện phản ánh đúng sự thật khách quan đã xảy ra trong thực tế cho dù vợ bị cáo, mẹ bị cáo không thừa nhận; được bị cáo thừa nhận.

[3.2] Phù hợp với lời trình bày nhận nhận tội của bị cáo tại các tài liệu: Bảng tường trình ngày 12-10-2021 (bút lục số 118), bản tự khai ngày 12-10-2021 (bút lục số 190), bản tự khai ngày 02-11-2021 (bút lục số 191,192), Đơn ăn năn hối lỗi ngày 17-12-2021 (bút lục 193); do Anh Trần Tuấn N ghi hộ và tại phiên tòa Anh Trần Tuấn N tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng đã xác nhận đúng các nội dung như bị cáo trình bày, bị cáo cũng thừa nhận và diễn biến tâm lý của bị cáo là khóc và hướng về gia đình bị hại để xin tha thứ cho hành vi quan hệ tình dục với chị H thể hiện sự ăn năn, hối lỗi như trong Đơn ăn năn hối lỗi ngày 17-12-2021 (bút lục 193), phù hợp với biên bản hỏi cung ngày 02-11-2021 (bút lục 186, 187). Ngoài nhận tội thì trong các tài liệu này có nội

dung như: Khi bị cáo đến nhà chị H: Lần thứ nhất chị H đang ngồi trên văng cặp vách tường nhà dưới; lần thứ hai H ngồi trên ghế bố sát cái văng ở nhà dưới; lần thứ ba H đang phơi quần áo ở trước cửa nhà dưới; bị cáo cho chị H số tiền 20.000 đồng; các tình tiết, sự kiện này đều trùng hợp trong nội dung các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo vào các năm 2018, 2019 và năm 2021 như đã viện dẫn ở trên; phù hợp với lời trình bày của bị hại; nên nó phản ánh sự thật khách quan đã xảy ra trong thực tế. Do đó, các nội dung trong các tài liệu trên là đảm bảo tính khách quan được cơ quan tiến hành tố tụng tiếp nhận đưa vào hồ sơ vụ án.

[3.3] Đồng thời phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường có bản ảnh, sơ đồ hiện trường kèm theo thể hiện bị cáo khẳng định vị trí bị cáo thực hiện hành vi quan hệ tình dục với chị H là tại vách tường phía trong cửa chữ L có 04 cánh làm bằng khung kim loại gắn tấm kính nhà của cha mẹ bị hại là anh H1, chị M giống với kết quả xác định của chị H (bút lục 214); có Kiểm sát viên Đỗ Thanh Tuấn kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, anh Trần Hồng Tím là công an xã S, Huyện D tham gia, chứng kiến và được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 102, 201 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3.4] Tại phiên tòa đã làm rõ được lí do có thời điểm bị cáo không thừa nhận hành vi quan hệ tình dục với chị H là do sợ bị xử lý phạt nặng không phải từ nguyên nhân nào của cơ quan tiến hành tố tụng; lời trình bày này phù hợp với lời trình bày của bị cáo tại bảng tường trình ngày 12-10-2021 (bút lục 118), biên bản hỏi cung ngày 12-10-2021 (bút lục 180, 181).

[4] Từ những phân tích trên thấy rằng: Các liệu được viện dẫn ở trên có trong hồ sơ vụ án là nguồn chứng cứ, được thu thập đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự qui định, phản ánh sự thật khách quan nên được xem là chứng cứ có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định tại các Điều 85, 86, 87, 91, 92, 95, 98, 102, 183, 184, 201 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, không chấp nhận lời trình bày tranh luận và đề nghị của người bào chữa.

[5] Riêng đối với nội dung: Biên bản xác định hiện trường ngày 26-12-2018 (bút lục số 64, 65) và Biên bản ghi lời khai bị cáo Phạm Văn L tại Công an Huyện Dương Minh Châu ngày 26-12-2018 (bút lục 25, 26, 27, 28) có ghi thời gian trùng nhau. Thấy rằng:

[5.1] Biên bản xác định hiện trường ngoài những thành phần tham gia còn có kiểm sát viên, chính quyền địa phương chứng kiến xác nhận, có bản ảnh, sơ đồ kèm theo và được bị cáo xác nhận là đúng tại phiên tòa.

[5.2] Biên bản lấy lời khai có sự chứng kiến của vợ bị cáo trong đó có nội dung phù hợp với biên bản lấy lời khai bị cáo trước đó cũng có sự tham gia chứng kiến của vợ bị cáo ngày 25-12-2018 (bút lục số 23, 24) và biên bản lấy lời khai sau đó cũng có sự tham gia chứng kiến của vợ bị cáo ngày 21-01-2019 (bút lục số 29, 30) và đều được bị cáo xác nhận là đúng tại các biên bản lấy lời khai ngày 02-4-2019 (bút lục số 33, 34), ngày 08-10-2021 (bút lục số 149, 150, 151, 152) là khoảng thời gian L chưa bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; sau đó bị áp

dụng biện pháp bắt tạm giam thì bị cáo cũng xác nhận là đúng tại biên bản hỏi cung ngày 12-10-2021 (bút lục số 178, 179, 180, 181) và cũng được vợ bị cáo là Lê Thị Minh Thủy xác nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 02-4-2019 (bút lục số 37, 38).

[5.3] Đồng thời như đã phân tích ở trên các tài liệu này có nội dung phù hợp nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có thể thấy rằng vi phạm này do sơ suất của người viết, tuy nhiên nó không làm ảnh hưởng đến nội dung bản chất vụ việc, không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng tồ tụng nên không chấp nhận đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung của người bào chữa do không thuộc trường hợp quy định tại Điều 280 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có căn cứ theo Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22-12-2017. Trường hợp này Hội đồng xét xử kiến nghị vi phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Dương Minh Châu trong thực hiện Điều 133 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện Dương Minh Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Như vậy, đã có cơ sở kết luận: Từ tháng 10 năm 2018 đến ngày 22-12-2018, tại nhà của Ông Lý Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ngọc M; thuộc khu vực Ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; bị cáo Phạm Văn L lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của Chị Lý Thu H là người bị hại bị hạn chế khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi..”; đã thực hiện 03 lần hành vi giao cấu trái với ý muốn của chị H. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm” và phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” qui định tại điểm d khoản 2 Điều 141 của Bộ luật Hình sự và được hướng dẫn tại tại khoản 1 Điều 3, mục b khoản 7 Điều 3, khoản 9 Điều 3 của Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các điều 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi.

[8] Hành vi nêu trên của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự của bị hại nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[9] Hội đồng xét xử xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi với lỗi cố ý xâm hại đến đối tượng yếu thế cần được

bảo vệ trong xã hội; nên cần phải xử phạt nghiêm để đảm bảo tính răn đe, phòng chống tội phạm.

[10] Về biện pháp tư pháp:

[10.1] 01 quần đùi màu tím, vải thun, có 02 túi hai bên ống quần: Ghi nhận bị cáo không có yêu cầu nhận lại; là tài sản không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[10.2] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Xét thấy bị cáo xâm phạm đến danh sự, nhân phẩm, uy tín của bị hại nên phải có trách nhiệm bồi thường. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của những người liên quan đến yêu cầu bồi thường thấy rằng cần buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cho bị hại số tiền là 10.000.000 là hợp lý và có căn cứ theo quy định tại Điều 592 của Bộ luật Dân sự.

[11] Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Hiếp dâm”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 07 (bảy) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-10-2021.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 592 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Văn L có trách nhiệm bồi thường cho Chị Lý Thu H (do Ông Lý Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ngọc M là đại diện theo pháp luật) số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 quần đùi màu tím, vải thun, có 02 túi hai bên ống quần.

Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22-01-2022.

4. Án phí: Bị cáo Phạm Văn L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 (năm trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- THA Huyện D;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thanh Tông